

Phụ lục I
DANH MỤC HÓA CHẤT KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG CHẾ PHẨM DIỆT
CÔN TRÙNG, DIỆT KHUẨN DÙNG TRONG LĨNH VỰC GIA DỤNG VÀ Y TẾ
(Kèm theo Thông tư số: /2026/TT-BYT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

TT	Tên hóa chất	Mã số CAS
1	Acephate	30560-19-1
2	Aldrin	309-00-2
3	Benzene hexachloride (BHC)	58-89-9
4	Beta-cyfluthrin	1820573-27-0
5	Chlordane	57-74-9
6	Chlordecone	143-50-0
7	Chlorpyrifos ethyl	2921-88-2
8	Cyfluthrin	68359-37-5
9	Diazinon	333-41-5
10	Dichlorodiphenyltrichloroethane (DDT)	50-29-3
11	Dichlovos	62-73-7
12	Dieldrin	60-57-1
13	Endosulfan và các đồng phân	
14	Endrin	72-20-8
15	Fipronil	120068-37-3
16	Heptachlor	76-44-8
17	Hexachlorobenzene	118-74-1
18	Hexachlorocyclohexane và các đồng phân	
19	Hexythiazox	78587-05-0
20	Hoạt chất sinh học diệt côn trùng, diệt khuẩn, trừ các vi sinh vật sau:	
	- <i>Bacillus sphaericus</i> strain (<i>Lysinibacillus sphaericus</i>) ABTS-1743	
	- <i>Bacillus thuringiensis</i> subsp. <i>Israelensis</i> strain AM65-52, 266-2	
	- <i>Beauveria bassiana</i> GHA	
21	Hợp chất chứa cadmium	
22	Hợp chất chì	
23	Isobenzan	297-78-9
24	Isodrin	465-73-6
25	Malathion	121-75-5
26	Methanol (<i>không được đăng ký là hóa chất chính trong chế phẩm diệt khuẩn. Trong chế phẩm, hàm lượng tạp chất Methanol không lớn hơn 2.000 mg/l</i>)	67-56-1
27	Methamidophos	10265-92-6
28	Methyl Parathion	298-00-0
29	Monocrotophos	6923-22-4
30	Mirex	2385-85-5
31	Naphthalene	91-20-3

TT	Tên hóa chất	Mã số CAS
32	Paradichlorobenzene (1,4-Dichlorobenzene, p-DCB)	106-46-7
33	Parathion Ethyl	56-38-2
34	Pentachlorophenol (PCP) và các muối của hóa chất này	
35	Perflurooctan sulfonic acid và các muối hóa chất này	
36	Phosphamidon	13171-21-6
37	Polychlorinated Biphenyls (PCB)	1336-36-3
38	Strobane	8001-50-1
39	Toxaphen	8001-35-2
40	Trichlorfon	52-68-6